

Bản án số: 15/2025/HS- ST
Ngày: 22-9-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- HUẾ, THÀNH PHỐ HUẾ**

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huyền.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Nhân Phái.

2. Ông Hồ Sỹ Định.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Thanh Thọ, Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Huế, thành phố Huế tham gia phiên tòa:* Ông Đoàn Trung Hưng và ông Lê Văn M – đều là Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4- Huế, thành phố H, số E đường L, xã P, thành phố H tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 10/2025/TLST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Văn T**; tên gọi khác: Không; giới tính: N, sinh ngày: 02 tháng 7 năm 1998, tại thành phố H. Số căn cước công dân: 046098004566, ngày cấp 12/8/2022, nơi cấp: Cục Q - Bộ C2. Địa chỉ: Thôn G, xã V, thành phố H. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần C (đã chết) và bà Phan Thị T1; Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con út trong gia đình; Có vợ tên là Mai Thị Tố U (là bị cáo trong vụ án này) và có 01 người con sinh năm 2023. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt.

2. Họ và tên: **Mai Thị Tố U**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nữ; sinh ngày 01 tháng 12 năm 1999, tại thành phố H. Số căn cước công dân: 046199003081, cấp ngày 17/02/2023, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C2; Nơi cư trú: Thôn D, xã V, thành phố H; Chỗ ở hiện nay: Thôn G, xã V, thành phố H; Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai T2 và bà Nguyễn Thị T3; Gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; có chồng tên là Trần Văn T (là bị cáo trong vụ án này) và có 01 người con sinh năm 2023; tiền án, tiền

sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt.

Bị hại: Chị Huỳnh Thị P, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Thôn P, xã V, thành phố H. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Thành C1, sinh năm 1994. Nơi cư trú: Số A đường P, phường K, thành phố H. Vắng mặt.

Người làm chứng: Anh Nguyễn Hữu T4, sinh năm 1999; Nơi cư trú: Tổ dân phố L, phường H, thành phố H- là nhân viên cho thuê xe máy 79 Motor, địa chỉ: số F N, phường P, thành phố H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do muốn có tiền để tiêu xài cá nhân, nên khoảng 08 giờ 00 phút ngày 04/6/2025, bị cáo Trần Văn T và vợ là bị cáo Mai Thị Tố U điều khiển xe mô tô Honda Vision, màu đen, biển số 75C1-083.23 (xe này bị cáo T thuê ở cửa hàng cho thuê xe máy ở số F đường N, thành phố H) đến chợ M1 ở thôn E, xã V, huyện P, thành phố H (nay là xã V, thành phố H) với mục đích lợi dụng sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi đến chợ, bị cáo T và bị cáo U để xe bên ngoài rồi đi bộ theo đường dẫn vào khu chợ C3. Tại đây, T và U phát hiện xe mô tô Yamaha Sirius màu xám bạc, biển số 75K4-6829 của chị Huỳnh Thị P đang để bên đường, xe còn cầm chìa khóa, không có người trông giữ, nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Bị cáo T nói với bị cáo U: “Lấy chiếc xe này cho anh” thì bị cáo U đồng ý. Sau đó, bị cáo U lén lút khởi động, lấy trộm xe Yamaha Sirius biển số 75K4-6829, còn bị cáo T đi bộ ra lấy xe Honda Vision biển số 75C1-083.23, rồi cùng nhau tẩu thoát đi về nhà. Sau khi về đến nhà bị cáo T ở thôn G, xã V, thành phố H; bị cáo U đưa chìa khóa xe Yamaha Sirius biển số 75K4-6829 vừa trộm được cho bị cáo T mở cốp xe để kiểm tra thì phát hiện bên trong cốp xe có 01 chiếc ví vải, màu cam, bên trong ví có số tiền là 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Đến khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo T điều khiển xe Yamaha Sirius biển số 75K4-6829 vừa trộm được chở bị cáo U đem đi cất giấu tại bãi giữ xe ở Trung tâm Y tế P1 ở xã P, thành phố H, rồi cả hai đi xe buýt về nhà. Đến sáng ngày 05/6/2025, bị cáo T đưa cho bị cáo U 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã lấy trộm trong cốp xe và cùng bị cáo U tiêu xài cá nhân hết 1.000.000 đồng (một triệu đồng), còn lại 3.200.000 đồng (ba triệu hai trăm nghìn đồng), bị cáo T giữ trong người chưa sử dụng, thì bị Cơ quan Công an phát hiện, thu giữ.

** Vật chứng thu giữ:*

- 01 (một) chiếc mô tô Honda Vision, màu đen, biển số 75C1-083.23; số khung: 30XCY-659113, số máy: F33E-0333510; xe đã qua sử dụng.

- 01 (một) chiếc xe mô tô Yamaha Sirius màu xám bạc, biển số 75K4-6829; số khung: 107Y-055256, số máy: 5C61-055256; xe đã qua sử dụng.

- 01 (một) ví vải, màu cam, dạng hộp chữ nhật, kích thước 9,5cm x 2,5cm x 16,5 cm; đã qua sử dụng.

- Tiền Ngân hàng N1 số tiền 3.200.000 đồng (ba triệu hai trăm nghìn đồng) thu giữ từ Trần Văn T và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) thu giữ từ Mai Thị Tố U.

Hiện nay các vật chứng này Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho các chủ sở hữu theo quy định.

* Tại Bản kết luận định giá tài sản số 27/KL-HĐĐG ngày 12/6/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P (cũ) kết luận:

- 01 (một) chiếc xe mô tô Yamaha Sirius màu xám bạc, biển số 75K4-6829 đã qua sử dụng tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá: 3.400.000 đồng (ba triệu bốn trăm nghìn đồng).

* Tại Bản kết luận định giá tài sản số 145/KL-HĐĐG ngày 18/8/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố H kết luận:

- 01 (một) ví vải, màu cam, dạng hộp chữ nhật, kích thước 9,5cm x 2,5cm x 16,5 cm; đã qua sử dụng tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá: 10.000 đồng (mười nghìn đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là chị Huỳnh Thị P đã nhận lại 01 chiếc xe mô tô Yamaha Sirius màu xám bạc, biển số 75K4- 6829; 01 (một) ví vải, màu cam, dạng hộp chữ nhật, số tiền 3.500.000 đồng, đồng thời yêu cầu bị cáo Trần Văn T và bị cáo Mai Thị Tố U bồi thường số tiền là 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Hiện nay các bị cáo đã bồi thường đầy đủ số tiền 1.000.000 đồng này nên chị Huỳnh Thị P không có yêu cầu gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Thành C1 đã nhận lại 01 chiếc mô tô Honda Vision, màu đen, biển số 75C1-083.23 và không có yêu cầu gì thêm.

Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trần Văn T và bị cáo Mai Thị Tố U đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 10/CT- VKSKV4 ngày 09/09/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Huế, thành phố H đã truy tố bị cáo Trần Văn T và bị cáo Mai Thị Tố U về tội: Trộm cắp tài sản theo quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm theo bản cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn T và bị cáo Mai Thị Tố U phạm tội: Trộm cắp tài sản; Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Mai Thị Tố U từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử

thách từ 12 tháng đến 18 tháng. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự, người bị hại là chị Huỳnh Thị P đã nhận lại tài sản và số tiền 1.000.000 đồng bồi thường, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Huế, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về bản kết luận điều tra và bản cáo trạng nên các hành vi, quyết định của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Trần Văn T, Mai Thị Tố U đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp khách quan với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận:

Do cần có tiền tiêu xài cá nhân nên vào khoảng 08 giờ 00 phút ngày 04/6/2025, tại khu vực chợ M1 ở thôn E, xã V, thành phố H; bị cáo Trần Văn T và bị cáo Mai Thị Tố U đã có hành vi lợi dụng sơ hở, lén lút chiếm đoạt của chị Huỳnh Thị P 01 (một) chiếc xe mô tô Yamaha Sirius màu xám bạc, biển số 75K4-6829 trị giá: 3.400.000 đồng; 01 (một) ví vải, màu cam, dạng hộp chữ nhật trị giá: 10.000 đồng; bên trong có 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng trị giá tài sản mà bị cáo Trần Văn T và bị cáo Mai Thị Tố U đã chiếm đoạt là: 7.910.000 đồng (bảy triệu chín trăm mười nghìn đồng).

Với hành vi nêu trên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Huế truy tố bị cáo Trần Văn T và bị cáo Mai Thị Tố U về tội: Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Đây là vụ án có đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn, trong đó bị cáo Trần Văn T là người khởi xướng ý định trộm cắp tài sản, điều khiển bị cáo U trộm cắp chiếc xe mô tô, đồng thời là người trực tiếp quản lý và phân chia tài sản trộm cắp là ví vải có chứa số tiền 4.500.000 đồng nên phải chịu mức hình phạt cao nhất trong vụ án với vai trò người chủ mưu; Bị cáo Mai Thị Tố U là người thực hành nên chịu mức hình phạt sau bị cáo T. Bị cáo Trần Văn T và bị cáo Mai Thị Tố U là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi lợi dụng sơ hở, lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, sẽ bị trừng trị nghiêm khắc, nhưng vì lười lao động, muốn hưởng

thụ thành quả lao động trên công sức của người khác nên các bị cáo vẫn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự coi thường và bất chấp pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[4]. Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Văn T và bị cáo Mai Thị Tố U không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo Trần Văn T và Mai Thị Tố U thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Mặt khác, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần lưu ý xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo một phần khi quyết định hình phạt.

[5]. Xét về nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo một phần khi quyết định hình phạt. Đối với bị cáo Mai Thị Tố U có địa chỉ nơi cư trú rõ ràng, mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo là nữ, có chồng là bị cáo trong vụ này, có con nhỏ mới hơn 01 tuổi nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà có thể cho bị cáo được hưởng án treo, thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật theo các quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Tạo điều kiện cho bị cáo được giáo dục, cải tạo tại địa phương để nuôi con nhỏ như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Huế tại phiên tòa là hợp lý.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là chị Huỳnh Thị P đã nhận lại đầy đủ tài sản và số tiền bồi thường là 1.000.000 đồng, chị Huỳnh Thị P không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Thành C1 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Các bị cáo Trần Văn T, Mai Thị Tố U là lao động tự do, không có nghề nghiệp và không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

[8]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T và bị cáo Mai Thị Tố U phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về trách nhiệm hình sự:

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn T 07 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo; Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018; Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Xử phạt bị cáo Mai Thị Tố U 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Mai Thị Tố U cho Ủy ban nhân dân xã V, thành phố H giám sát, giáo dục; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã V, thành phố H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2.3. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo Trần Văn T, Mai Thị Tố U.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Trần Văn T và bị cáo Mai Thị Tố U mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Án xử sơ thẩm công khai. Báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có

quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP Huế;
- VKSND TP Huế;
- Phòng PV 06 CA TP Huế;
- CQ CSĐT CA TP Huế;
- VKSND khu vực 4- Huế;
- Phòng THADS khu vực 4- Huế;
- Thi hành án dân sự TP Huế;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người CQL&NVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dán án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Huyền